BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III.2015

Đơn vị tính : VND

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**		**93.864.987.589**	**33.679.486.859**	**369.948.907.770**	**242.470.807.833**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	1.853.263.361	791.948.260
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)**	**10**	**5.19**	**93.864.987.589**	**33.679.486.859**	**368.095.644.409**	**241.678.859.573**
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.20	67.988.614.504	15.543.739.874	266.015.231.158	157.546.807.605
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**25.876.373.085**	**18.135.746.985**	**102.080.413.251**	**84.132.051.968**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	108.162.383	381.054.393	295.207.263	409.227.509
7.	Chi phí tài chính	22	5.21	6.420.794.701	5.848.261.224	18.843.603.024	15.474.178.774
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*5.303.086.044*	*5.579.921.744*	*16.600.870.386*	*14.104.004.321*
8.	Chi phí bán hàng	24		12.455.366.502	7.343.306.244	45.082.442.485	36.896.616.959
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.879.628.101	5.703.949.734	20.322.216.410	11.509.750.495
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}**	**30**		**228.746.164**	**(378.715.824)**	**18.127.358.595**	**20.660.733.249**
11.	Thu nhập khác	31	5.22	5.457.604.654	172.605.636	11.216.119.039	956.966.777

12.	Chi phí khác	32	5.22	5.180.492.660	(614.935.000)	9.323.369.064	886.928.235
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**277.111.994**	**787.540.636**	**1.892.749.975**	**70.038.542**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+ 45)**	**50**		**505.858.158**	**408.824.812**	**20.020.108.570**	**20.730.771.791**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	397.921.155	689.460.956	3.162.615.120	5.535.470.380
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	1.020.872	592.044.212	150.068.179
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**107.937.003**	**(281.657.016)**	**16.265.449.238**	**15.045.233.232**
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		733.149.284	296.805.007	14.746.847.801	16.147.232.243
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(625.212.281)	(578.462.023)	1.518.601.437	(1.101.999.011)
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		3	10	346	520
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Ngày 12 tháng 11 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
NGÔ THỊ THANH	HOÀNG VĂN THOAN	GIÁM ĐỐC Phạm Trung Thành

MSDN: 0700252549 CTCP CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON H. KIM BẢNG - T. HÀ NAM